

Kính gửi: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Phúc đề nghị của Quý Cơ quan về việc kiến nghị mức tăng lương tối thiểu trong năm 2020, sau khi tập hợp ý kiến từ các DN Hội viên, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin gửi tới Quý Cơ quan bản Phân tích và đề xuất của VASEP về việc tăng lương tối thiểu trong năm 2020 (chi tiết xin xem Phụ lục gắn kèm), theo đó Hiệp hội đề xuất:

1. Không tăng LTT trong năm 2020.
2. Giãn thời gian tăng LTT từ 1 năm/lần lên 2-3 năm/lần vì mỗi lần tăng LTT, bên cạnh việc tăng chi phí, các DN còn phải mất rất nhiều công sức để tính toán, điều chỉnh các mức phí, mức trích nộp cho người lao động, gây tổn kém nhân lực, thời gian, chi phí cho DN.

Hiệp hội kính đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến chính thức với Quốc hội và Hội đồng Tiền lương Quốc gia xem xét chấp thuận các đề xuất nêu trên của Hiệp hội nhằm giúp giảm bớt các khó khăn của DN trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế hiện nay, tạo điều kiện đặc biệt cho DN yên tâm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giúp DN nâng cao sức cạnh tranh trong thương mại quốc tế.

Trân trọng cảm ơn và kính chào ./.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐTBXH;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.



PHỤ LỤC

PHÂN TÍCH VÀ KIẾN NGHỊ CỦA VASEP

Về việc tăng lương tối thiểu trong năm 2020

(Kèm theo công văn số 68/2019/CV-VASEP ngày 10/07/2019)

-----oOo-----

Việc tăng lương tối thiểu (LTT) là một vấn đề quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh suy giảm kinh tế hiện nay. Trên cơ sở Nghị quyết số 02/2019/NQ-CP và 35/NQ-CP của Chính phủ, căn cứ vào tình hình sản xuất-kinh doanh và bối cảnh kinh tế, xã hội thực tế hiện nay của Việt Nam, VASEP xin có một số báo cáo và kiến nghị cụ thể về việc tăng LTT trong các năm tới như sau:

I. Về tác động của việc tăng LTT đối với lương và phúc lợi của người lao động:

Theo luật BHXH năm 2014 áp dụng từ tháng 1/2016, bắt đầu từ năm 2016 DN phải tham gia đóng BHXH cho người lao động theo LTT và các khoản phụ cấp khác. Đến năm 2018 thì phải đóng các khoản BH trên tổng thu nhập. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp có số lao động hàng ngàn người và cả cơ quan BHXH khi kê khai mẫu D02-TS, và mức thu nhập của người lao động hưởng theo sản phẩm nên hàng tháng đều biến động.

Như vậy, việc tăng LTT là tăng thêm gánh nặng chi phí cho DN trong khi không làm tăng, thậm chí nhiều khi còn làm giảm thu nhập của người lao động (do giá bán sản phẩm không thể tăng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn khó khăn, đang suy giảm, nhất là từ khi cuộc chiến thương mại Mỹ Trung bắt đầu nên tổng quỹ lương của nhiều DN không thể tăng).

II. Tăng LTT sẽ làm tăng gánh nặng chi phí cho DN:

Mức LTT hiện nay đang tăng quá cao, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp => các DN sẽ bị tăng chi phí và nguy cơ lao động Việt Nam mất việc ngày càng cao. Điều này sẽ ảnh hưởng tới lợi thế so sánh của Việt Nam với các nước trong khu vực. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, ngành thủy sản đang phát triển chậm lại, DN đang phải gánh chịu các chi phí quá lớn do điện tăng giá từ tháng 3/2019, giá xăng dầu luôn đứng ở mức cao (chi phí tiền công-BHXH-phí CD cho NLĐ và chi phí năng lượng luôn giữ vị trí thứ hai và thứ ba trong các chi phí của DNTS). Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch XK của ngành thủy sản đạt 3,19 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 3 sản phẩm chủ lực của ngành TS thì SP chủ lực lớn nhất là tôm chỉ đạt 1,147 tỷ USD, giảm 3,7%, SP chủ lực thứ hai là cá tra đạt 790 triệu USD, cũng giảm 5,9%).

Các DN thủy sản thường có số lượng công nhân lớn cho nên khi tăng LTT dù chỉ một tỷ lệ nhỏ thì chi phí của các DN cũng tăng lên đáng kể.

BẢNG CHI TIẾT CÁC KHOẢN ĐÓNG BHXH,KPCĐ CỦA DN

Năm	Người sử dụng lao động (%)				Người lao động (%)				Tổng cộng (%)
	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	BHXH	BHYT	BHYT	ĐPCĐ	
Từ 01/2010	16	3	1	2	6	1,5	1	1	31,5
Từ 07/2017	17.5	3	1	2	8	1,5	1	1	35
Từ 01/2018	16	2.5	1	1	6	1,5	1	1	30

Việc tăng LTT với các chính sách liên quan cộng hưởng làm tăng chi phí của DN khá đáng kể, cụ thể là:

- Tăng lương TTV làm tăng chi phí Tiền lương- BHXH- KP công đoàn**
- Đối tượng đóng BHXH** từ năm 2018 cũng đã mở rộng hơn (người lao động ký hợp đồng lao động từ 01 tháng trở lên đã phải đóng BHXH). Trong khi đó, ngành thủy sản thường có 1 số lượng lao động thời vụ khá lớn (dưới 3 tháng đến 40%-50%). Với việc mở rộng đối tượng đóng BHXH (từ 1 tháng) làm tăng thêm (40-50)% số lượng tham gia BHXH bắt buộc & quỹ lương đóng BHXH của các DN TS cũng phải tăng tương ứng .
- Mở rộng thu nhập làm căn cứ đóng BHXH (đóng BHXH full lương)** trừ các khoản hỗ trợ , thưởng sáng kiến ,ăn ca ...
 - Báo cáo tiền lương thực tế cho thấy Doanh nghiệp thủy sản đang trả cao hơn mức LTT 30-50% ,vì vậy từ năm 2018 trở đi, đóng BHXH theo thu nhập thực tế làm mức lương đóng BHXH ít nhất tăng 30% .
 - Ngoài ra kết hợp tăng mức (30%) +Số lao động (+40% nói trên) sẽ tăng thêm (40%x 30% =+0.12%)

*** Như vậy ngoài mức lương đóng BHXH tăng liên tục , thì tỷ lệ đóng BHXH tăng cùng với mở rộng đối tượng làm quỹ lương đóng BHXH của DN đã tăng ít nhất (40%+30%+12%) =82% ,hay tăng 1.82 lần .**

- Theo đó, cùng việc tăng đồng loạt nhiều mức đóng , thì nhiều sợi dây thòng lọng siết cổ doanh nghiệp càng cao=> tạo nguy cơ đi xuống (thu hẹp SX ,cắt giảm lao động ,giảm cạnh tranh , phá sản,...)

III. Điều kiện kinh tế, xã hội của các nước trong khu vực:

Theo một số đánh giá và báo cáo có được, năm 2016, mức LTT của Việt Nam đang đứng thứ **74/101** nước được khảo sát trên thế giới, đứng thứ **17/27** nước thuộc khu vực Châu Á. Tuy nhiên, nếu so sánh LTT/GDP bình quân đầu người thì tỷ lệ này của Việt Nam là khá cao, đứng thứ **9/101** nước được khảo sát trên thế giới, **2/27** nước thuộc khu vực Châu Á.

So sánh với một số nước ASEAN, GDP bình quân đầu người của Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn. Theo số liệu của TCTK, GDP của Việt Nam năm 2014 đạt 2.061 USD/người/năm, năm 2015 đạt 2.200 USD/người/năm, năm 2016 đạt 2.215 USD/người/năm, chỉ cao hơn Lào, Campuchia và Myanmar trong khu vực ASEAN. Nếu so sánh tỷ lệ LTT/GDP bình quân đầu người khu vực đô thị của Việt Nam và một số quốc gia là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản thì Việt Nam với tỷ lệ là **84,7%**, cao hơn rất nhiều các nước khác như Trung Quốc (51,4%), Thái Lan (53,6%), Malaysia (26,6%), Indonesia (69,1%), chỉ thấp hơn Ấn Độ (99%) và Bangladesh (92,1%).

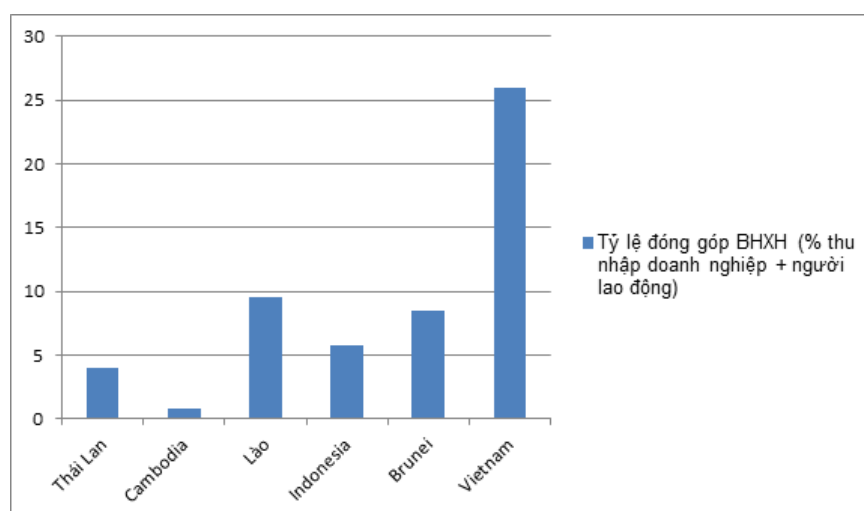
Bảng 1: Lương tối thiểu ở khu vực đô thị của một số nước.

Nước	Lương tối thiểu (USD/tháng)	Tỷ lệ so với GDP bình quân (%)	Thời điểm có hiệu lực
Bangladesh	66.2	92.1%	2013
Ấn-độ	135.7	99.9%	2015
Indonesia	202.0	69.1%	2015
Malaysia	237.9	26.6%	2013
Thailand	265.7	53.6%	2013
Trung Quốc	329.6	51.4%	2015
Việt Nam	141.9	84.7%	2015

Nguồn: Tổng hợp từ công bố lương tối thiểu của các nước.

Theo số liệu của Cty kiểm toán KPMG, mức đóng riêng cho khoản BHXH của chủ doanh nghiệp và người lao động ở Việt Nam cũng đang rất cao so với các nước trong khu vực.

Hình 1: Tỷ lệ đóng góp BHXH của Việt Nam và một số nước Đông Nam Á



Nhìn vào Biểu đồ trên ta thấy các nước quanh ta đóng mức cao nhất là Lào chưa đến 10%. Việt Nam chúng ta đóng tới **26%** trong khi GDP của Việt Nam cũng chỉ tương đương với Lào, Campuchia và thấp hơn rất nhiều so với các nước khác trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Brunei.

III. Tương quan giữa tốc độ tăng Năng suất Lao động (NSLĐ) và tăng tiền lương:

NSLĐ là một trong những tiêu chí quan trọng để làm căn cứ tăng LTT ở Việt Nam. Tốc độ tăng NSLĐ của Việt Nam trong các năm qua đang rất khiêm tốn.



Năng suất lao động của Việt Nam từ 2011 đến 2018.

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Đơn vị: triệu đồng/lao động

NSLĐ bình quân giai đoạn 2011 – 2017 là 4,7%, trong khi lương tối thiểu vùng tăng bình quân giai đoạn 2008 – 2018 đối với các DN trong nước là 20,4%, đối với các DN FDI là 14,4%. Như vậy, tốc độ tăng lương tối thiểu vùng từ 2007-2017 đã cao hơn tăng năng suất lao động trong giai đoạn này.

NSLĐ của Việt Nam vẫn ở mức rất thấp khi so sánh với NSLĐ bình quân của một số nước trong khu vực. Cụ thể, tính theo PPP 2011, NSLĐ của Việt Nam năm 2017 đạt 10.232 USD, chỉ bằng 7,2% mức NSLĐ của Singapore, 18,4% của Malaysia, 36,2% của Thái Lan, 43% của Indonesia và bằng 55% của Philippines. Thêm vào đó, chênh lệch về mức NSLĐ giữa Việt Nam với các nước vẫn tiếp tục gia tăng, điều này cho thấy khoảng cách và thách thức mà nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt để có thể bắt kịp mức NSLĐ của các nước là rất lớn.

Theo báo cáo “*Năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp ngành CN chế biến chế tạo của Việt Nam*” được Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) công bố ngày 26/4/2019 tại Hà Nội, khoảng cách các chỉ số về năng suất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp giữa Việt Nam với các nước so sánh (các nước có thu nhập trung bình và các nước phát

triển) vẫn còn rất lớn, nhất là trong các chỉ số hiệu suất công nghiệp chế biến, chế tạo khác, đặc biệt là năng suất lao động thì Việt Nam tụt lại sau. Năng suất lao động ngành CN chế biến chế tạo của Việt Nam vẫn chỉ bằng khoảng 1/4 năng suất lao động của Trung Quốc và Malaysia, 1/3 của Indonesia và Philippines, 1/2 của Ấn Độ và Thái Lan và chỉ bằng khoảng 7% của Nhật Bản và Hàn Quốc vào năm 2015.

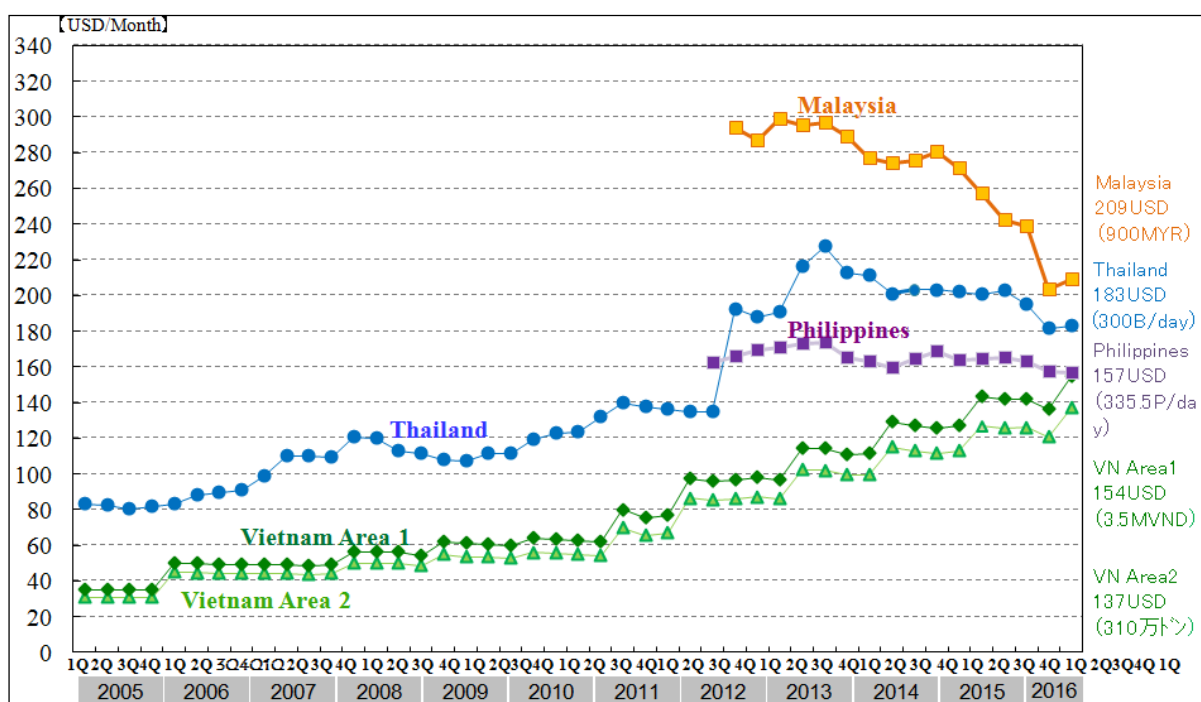
IV. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI):

Chỉ số CPI là tiêu chí quan trọng để làm căn cứ tăng LTT. Tiêu chí này trong các đợt xét tăng lương tối thiểu trước đây thường được dự kiến cao hơn trong thực tế, cụ thể là năm 2014 dự kiến tăng CPI là 7% thì thực tế chỉ là 4%, năm 2015 dự kiến là 5% thì thực tế chỉ là 0,63%, năm 2016 dự kiến tăng CPI là 5% thì thực tế chỉ là 4,74%.

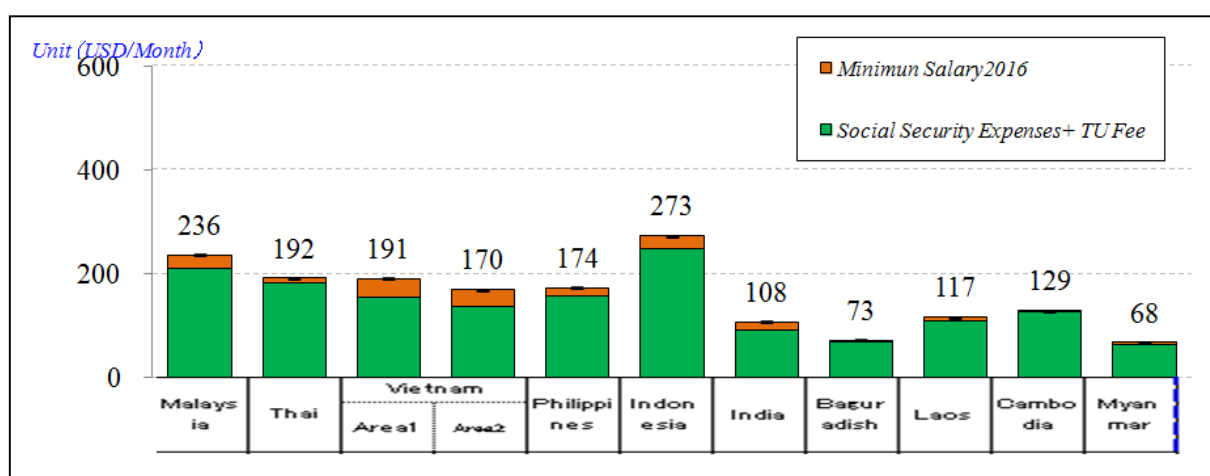
Như vậy, chỉ trong 3 năm mức dự kiến làm căn cứ tăng LTT đã chênh lệch 7,63 % so với thực tế. Việc chỉ số CPI lấy làm cơ sở để tăng LTT trong ba năm 2014 – 2016 đã vượt gần 8% nên hiện tại đã đến thời điểm ngừng tăng LTT để bù lại cho DN giúp ổn định và phát triển sản xuất trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, sản xuất thu hẹp hiện nay, đặc biệt nhóm hàng lương thực thực phẩm là những mặt hàng tác động trực tiếp tới đời sống người lao động lại có xu hướng giảm so với cùng kỳ của các năm trước (trong 6 tháng đầu năm 2017, CPI hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,59%, trong đó lương thực giảm 0,51% do lượng cung dồi dào; thực phẩm giảm 0,85%, tác động làm CPI giảm 0,19%).

Chính phủ đã đề ra lộ trình tăng lương tối thiểu nhằm hiện thực hóa mức lương tối thiểu 200 USD vào năm 2018, lấy tiêu chí từ các nước Đông Nam Á khác như Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Philippines. Tuy nhiên, những năm gần đây Malaysia, Thái Lan, Philippines đang giữ nguyên mức lương tối thiểu, do ảnh hưởng của đồng tiền xuống giá, sự chênh lệch với Việt Nam cũng đang được thu hẹp lại. (Hình 4). Theo số liệu năm 2017, mức lương tối thiểu hiện tại của Việt Nam (ở khu vực 1) cao hơn mức lương ở lĩnh vực công nghiệp chính của Philippines, trong khi Malaysia và Thái Lan đã hạn chế tăng lương tối thiểu. Nếu bao gồm cả những chi phí về phúc lợi xã hội và công đoàn thì chi phí lao động ở Việt Nam ngang bằng với chi phí lao động ở Thái Lan, trong khi năng suất lao động của Việt Nam đang kém Thái Lan khá nhiều. Ngoài ra, chi phí mà người chủ sử dụng lao động phải chi trả, cộng với chi phí bảo hiểm xã hội và phí công đoàn trên mức lương tối thiểu, đã vượt Philippines và sắp đuổi kịp Thái Lan (Hình 5).

Hình 4: So sánh về sự thay đổi của mức lương tối thiểu (so với Malaysia, Thái Lan, Philippines)



Hình 5: So sánh mức lương tối thiểu + Chi phí bảo hiểm xã hội, phí công đoàn (Thời điểm T4/2016)



Với các cơ sở nêu trên, Hiệp hội VASEP trân trọng đề nghị Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng tiền lương Quốc gia và Bộ LĐ-TB và XH:

3. Không tăng LTT trong năm 2020.
4. Giãn thời gian tăng LTT từ 1 năm/lần lên 2-3 năm/lần vì mỗi lần tăng LTT, bên cạnh việc tăng chi phí, các DN còn phải mất rất nhiều công sức để tính toán, điều chỉnh các mức phí, mức trích nộp cho người lao động, gây tổn kém nhân lực, thời gian, chi phí cho DN.